

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/TCDS - ST
Ngày 22 tháng 6 năm 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Toàn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Quàng Văn Tiễn
2. Bà Lò Thị Thành

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa:

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-TCDS ngày 08/01/2020 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản - Theo quyết định xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 07/5/2020, quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 21/5/2020 và số 29/2020/QĐST-DS ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị S; Địa chỉ: Bản Q, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.
Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Trịnh Thị S trình bày:

Vào tháng 10/2016 bà có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 210.000.000đ, đến tháng 8/2017 anh T đã thanh toán cho bà số tiền gốc là 147.000.000đ. Tính đến ngày 17/8/2017 anh T còn nợ bà số tiền gốc là 63.000.000đ và tiền lãi là 33.000.000đ, tổng cộng là 96.000.000đ. Sau nhiều lần khát nợ anh T vẫn không thanh toán cho bà, nay bà đề nghị buộc anh T trả cho bà khoản tiền vay là

96.000.000đ và lãi phát sinh từ khoản tiền này với lãi xuất là 01% một tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/10/2017 đến nay.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thừa nhận anh có vay bà Trịnh Thị S số tiền 210.000.000đ, anh đã thanh toán được 147.000.000đ, tính đến ngày 17/8/2017 anh còn nợ bà S số tiền 96.000.000đ (trong đó tiền gốc là 63.000.000đ và tiền lãi là 33.000.000đ). Nay bà S yêu cầu anh thanh toán số tiền nợ và lãi phát sinh từ số tiền 96.000.000đ với lãi xuất 1% một tháng, thời điểm tính từ ngày 01/10/2017 anh hoàn toàn nhất trí, nhưng do hiện nay anh đang khó khăn nên chưa thể thanh toán được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng; Quá trình xét xử Hội đồng xét xử đã tuân theo quy định của pháp luật và các thủ tục. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên sau khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã không chấp hành, không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã phải hoãn phiên tòa nhiều lần, việc Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh với lãi xuất các bên đã thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn T có hộ khẩu thường trú tại bản N, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La. Do vậy Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đảm bảo theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bị đơn theo đúng quy định, tuy nhiên khi tiến hành xét xử bị đơn vẫn không có mặt, Tòa án xác định bị đơn cố tình trốn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trịnh Thị S khởi kiện buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T phải trả số tiền đã vay là 96.000.000đ và tiền lãi phát

sinh, Toà án xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án: Tháng 10/2016 bà Trịnh Thị S có cho anh Nguyễn Văn T vay số tiền 210.000.000đ, đến tháng 8/2017 anh T đã thanh toán cho bà số tiền là 147.000.000đ. Tính đến ngày 17/8/2017 anh T còn nợ bà số tiền gốc là 63.000.000đ và tiền lãi là 33.000.000đ, tổng cộng là 96.000.000đ. Ngày 17/8/2017 hai bên đã lập giấy chốt số nợ, tại giấy chốt nợ anh T cũng nhất trí đến ngày 30/9/2017 sẽ thanh toán cho bà S toàn bộ số nợ, tuy nhiên đến nay anh T vẫn không thanh toán cho bà S, nay bà S đề nghị buộc anh T trả cho bà khoản tiền vay là 96.000.000đ và lãi phát sinh từ khoản tiền này với lãi suất là 01% một tháng, thời hạn tính lãi từ ngày 01/10/2017 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành cho các đương sự tự khai, công khai chứng cứ và hoà giải, các đương sự đã thống nhất được số tiền nợ là 96.000.000đ, mức lãi suất người vay phải chịu trách nhiệm thanh toán là 01% một tháng và thời hạn bắt đầu tính lãi là từ ngày 01/10/2017, nhưng các đương sự không thoả thuận được thời điểm thanh toán toàn bộ số nợ, nên Toà án phải đưa vụ án ra xét xử.

Xét thấy thống nhất của các bên về số nợ là phù hợp với thực tế, thống nhất của các bên về mức lãi suất và thời điểm bắt đầu tính lãi là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh cho nguyên đơn, thời điểm bắt đầu tính lãi là thời điểm các đương sự đã thoả thuận (ngày 01/10/2017) đến ngày Toà án đưa vụ án ra xét xử (cụ thể số tiền gốc là 96.000.000đ, tiền lãi trong thời gian là 32 tháng 22 ngày). Ngoài ra kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với khoản tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà Trịnh Thị S đối với anh Nguyễn Văn T.

2. Buộc anh Nguyễn Văn T phải trả cho bà Trịnh Thị S:

- Số tiền gốc là: 96.000.000đ (chín mươi sáu triệu đồng).

- Số tiền lãi là: $96.000.000đ \times 32 \text{ tháng} \times 01\% = 31.424.000đ$ (ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Tổng cộng là: 127.424.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 22/6/2020) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3. Về án phí:

- Bị đơn anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.371.000đ (sáu triệu ba trăm bảy mươi một nghìn đồng).

- Bà Trịnh Thị S được trả lại số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0004540 ngày 08/01/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trịnh Thị S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/6/2020). Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 26 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát Sông Mã;
- THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn

